

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: 20/2019/CV-TE

V/v giải trình chênh lệch doanh thu lợi nhuận Quý II/ 2019 so Quý III/ 2018

Hưng Yên, ngày 20 tháng 07 năm 2019**GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ II NĂM 2019****Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC****SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Công ty Cổ phần Thuận Đức (Mã chứng khoán TDP) xin gửi lời chào trân trọng tới Quý cơ quan!

Căn cứ:

- Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- Báo cáo tài chính quý II/2019 của Công ty Cổ phần Thuận Đức.

Công ty chúng tôi xin giải trình với Quý cơ quan về sự biến động doanh thu và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả kinh doanh Quý II năm 2019 so với Quý II năm 2018 như sau:



CHỈ TIÊU	Quý II		Chênh lệch Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
	Năm 2019	Năm 2018		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	300.450.391.615	165.206.916.150	135.243.475.465	181,86
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>300.450.391.615</b>	<b>165.206.916.150</b>	<b>135.243.475.465</b>	<b>181,86</b>
4. Giá vốn hàng bán	261.493.335.461	135.254.944.261	126.238.391.200	193,33
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>38.957.056.154</b>	<b>29.951.971.889</b>	<b>9.005.084.265</b>	<b>130,07</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	452.188.926	72.498.659	379.690.267	623,72
7. Chi phí tài chính	10.330.898.486	5.728.653.446	4.602.245.040	180,34
8. Chi phí bán hàng	4.154.789.112	3.648.516.638	506.272.474	113,88
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.473.587.653	6.350.328.268	(876.740.615)	86,19
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>19.449.969.829</b>	<b>14.296.972.196</b>	<b>5.152.997.633</b>	<b>136,04</b>
11. Thu nhập khác	489.825.991	490.508.612	(682.621)	99,86
12. Chi phí khác	1.099.948.520	275.835.801	824.112.719	398,77
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	(610.122.529)	214.672.811	(824.795.340)	(284,21)

14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.839.847.300	14.511.645.007	4.328.202.293	129,83
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.778.220.015	2.866.395.128	911.824.887	131,81
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	15.061.627.285	11.645.249.879	3.416.377.406	129,34

Lợi nhuận sau thuế quý II năm 2019 so với quý II năm 2018 đạt 129,34% tăng 29,34% tương đương tăng 3.416.377.406 đồng.

**Nguyên nhân:**

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ quý II năm 2019 đạt 181,86 % so với quý II năm 2018 tương đương doanh thu thuần tăng 135.243.475.465 đồng.
2. Doanh thu hoạt động tài chính quý II năm 2019 tăng 523,72 % so với quý II năm 2018 tương đương tăng 379.690.267 đồng.
3. Giá vốn hàng bán cùng với các khoản chi phí bán hàng, chi phí tài chính quý II năm 2019 đều tăng nhiều hơn so với quý II năm 2018 từ 13,88% đến 93,33%. Nhưng chi phí quản lý doanh nghiệp quý II/2019 lại giảm 13,81% so với cùng kỳ năm trước.

Trong quý II năm 2019 thị trường kinh doanh trên khắp các địa bàn cả nước và thị trường xuất khẩu túi siêu thị shopping bag đều tăng so với cùng kỳ năm 2018, riêng doanh thu xuất khẩu túi siêu thị đạt 145,23% tăng 45,23% so với cùng kỳ năm trước tương đương với 32.516.774.331 đồng. Đồng thời các khoản mục chi phí của quý II năm 2019 cũng tăng nhiều hơn so với tỷ trọng tăng doanh thu đặc biệt là chi phí bán hàng, chi phí lãi vay. Do vậy đã làm cho tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý II năm 2019 tăng 29,34% tương đương tăng 3.416.377.406 đồng so với quý II năm 2018.

Trên đây là ý kiến giải trình của Công ty Cổ phần Thuận Đức về chênh lệch doanh thu lợi nhuận quý II năm 2019 so với quý II năm 2018.

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Ban Tổng Giám đốc
- UBCKNN;
- Lưu VT, TCCB (T)

TM. CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Cường